

PHỤ LỤC SỐ 10
APPENDIX 10

THÔNG BÁO GIAO DỊCH CỔ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN
QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

**NOTICE OF TRANSACTION IN SHARES/ FUND CERTIFICATES OF INTERNAL PERSON AND
RELATED PERSONS OF INTERNAL PERSON**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính
hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

(Promulgated with the Circular No 155/2015/TT-BTC on October 06, 2015 of the Ministry of Finance
guiding the Information disclosure on securities markets)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

....., ngày 07 tháng 05 năm 2018

....., 07th May 2018

THÔNG BÁO GIAO DỊCH CỔ PHIẾU/ CHỨNG CHỈ QUỸ CỦA NGƯỜI NỘI BỘ CỦA CÔNG TY ĐẠI
CHỨNG, NGƯỜI NỘI BỘ CỦA QUỸ ĐẠI CHỨNG VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI
BỘ

**NOTICE OF TRANSACTION IN SHARES/ FUND CERTIFICATES OF INTERNAL PERSON OF
PUBLIC COMPANY, INTERNAL PERSON OF PUBLIC FUND AND RELATED PERSONS OF
INTERNAL PERSON.**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán
- Công ty đại chúng/ Công ty quản lý quỹ

To: - The State Securities Commission
- The Stock Exchange
- The public company/ The fund management company

1. Thông tin về cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch/ Information on individual/ organization that
conducts the transfer:

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức/ Name of individual/organization: **KYOEI STEEL LTD.**

- Quốc tịch/ Nationality: **JAPAN**

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh
nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp/
ID card/Passport No. (in case of individual) or Certificate of business registration No. (in case of
organization, of issue, place of issue.

Certificate of business registration No. **1200-01-062-898**, date of issue: **21st August 1947**, place of
issue: **JAPAN**

- Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính/ Address: **1-4-16 Dojimahama, Kita-ku, Osaka, Japan**

- Điện thoại/ Telephone: **+81-6-6346-5221** Fax: **+81-6-6346-5330** Email: Website:

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ (nếu có) hoặc mối quan hệ với công ty
đại chúng, công ty quản lý quỹ /Current position in the public company, the fund management
company (if any) or relationship with the public company, the fund management company:

2. Thông tin về người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng là người có liên quan của cá

nhân/tổ chức thực hiện giao dịch (đối với trường hợp người thực hiện giao dịch là người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng)/ *Information about internal person of the public company/public fund is related person of trading individual/organization (in case trader is related person of internal person of the public company/public fund):*

- Họ và tên người nội bộ/ *Name of internal person:* **Yoichi Hoshino**

- Quốc tịch/ *Nationality:* **Nhật Bản / Japanese**

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước/ *ID card/Passport No.:* **TZ0760487**

- Địa chỉ thường trú/ *Permanent address:* **1-4-16 Dojimahama, Kita-ku, Osaka, Japan**

- Điện thoại liên hệ/ *Address:* **1-4-16 Dojimahama, Kita-ku, Osaka, Japan**

Fax: **+81-6-6346-5330** Email:

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ / *Currently position in the public company, the fund management company:* **Thành viên Hội đồng Quản trị / Member of Board of Directors**

- Mối quan hệ giữa cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch với người nội bộ/ *Relationship of individual/organization executing transaction with internal person:* **Director**

- Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ mà người nội bộ đang nắm giữ (nếu có)/ *Number, ownership proportion of shares held by the internal (if any):* **0**

- Họ và tên người nội bộ/ *Name of internal person:* **Masumi Miyazaki**

- Quốc tịch/ *Nationality:* **Nhật Bản / Japanese**

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước/ *ID card/Passport No.:* **TR5756535**

- Địa chỉ thường trú/ *Permanent address:* **1-4-16 Dojimahama, Kita-ku, Osaka, Japan**

- Điện thoại liên hệ/ *Address:* **1-4-16 Dojimahama, Kita-ku, Osaka, Japan**

Fax: **+81-6-6346-5330** Email:

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ / *Currently position in the public company, the fund management company:* **Phó Tổng Giám Đốc / Deputy General Director**

- Mối quan hệ giữa cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch với người nội bộ/ *Relationship of individual/organization executing transaction with internal person:* **Deputy General Director**

- Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ mà người nội bộ đang nắm giữ (nếu có)/ *Number, ownership proportion of shares held by the internal (if any):* **0**

3. Mã chứng khoán giao dịch/ *Securities code:* **VIS**

4. Các tài khoản giao dịch có cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nêu tại mục 3/ *Trading account number with shares/fund certificates mentioned above:* , **tại công ty chứng khoán/ In securities company:**

5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch/ *Number, ownership proportion of shares/fund certificates held before transaction:* **14,767,000 shares (20.0%)**

6. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đăng ký mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/hoán đổi/ *Number of shares/fund certificates registered to purchase/sale/give/be given/donate/be donated/inherit/transfer/transferred/swap:* **33,223,677 shares**

7. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ dự kiến nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch/ *Number, ownership proportion of shares/fund certificates expected to hold after the transaction:* **47,990,677 shares (65.0%)**

8. Mục đích thực hiện giao dịch/ *Purposes of transaction:* **Share Purchase Transaction**

9. Phương thức giao dịch/ *Mode of transaction:* **on-exchange transaction**

10. Thời gian dự kiến thực hiện giao dịch/ *Transaction period:* từ ngày/ *from* **10/05/2018** đến ngày/ *to*

**CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN
NAME OF REPORTING ORGANIZATION/INDIVIDUAL/PERSONS
AUTHORIZED TO DISCLOSE INFORMATION
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)
(Signature, full name and seal - in case of organization)**

林 進

Susumu Hayashi

KYOEI STEEL LTD.